

Đo lường tăng trưởng và phát triển kinh tế

Chính sách Phát triển
FETP

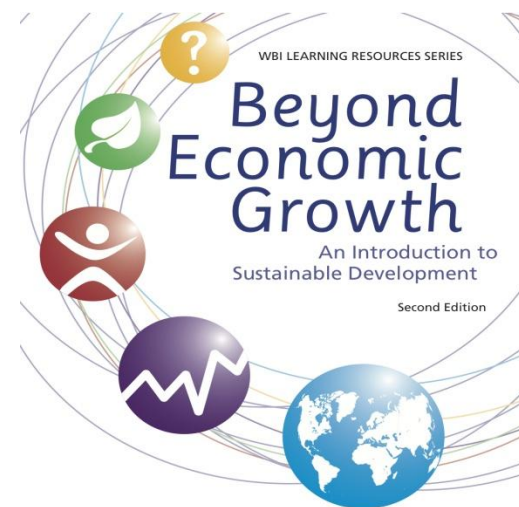
“Gross National Happiness
is more important than Gross
National Product.”

By: H.M. Jigme Singye Wangchuk.



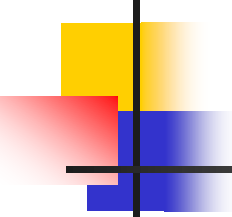
Vấn đề

- Hiểu tiến trình phát triển kinh tế cần phương pháp đo lường kết quả kinh tế, đồng thời có thể so sánh
 - Giữa các quốc gia, và
 - Theo thời gian



Tatyana P. Soubbotina

The World Bank
Washington, D.C.



Tăng trưởng và phát triển

- Tăng trưởng

- PPF dịch ra bên ngoài
- Tăng thu nhập, thu nhập bq đầu người

- Tăng trưởng là sự gia tăng một cách bền vững của sản lượng bình quân đầu người hay sản lượng trên mỗi lao động

(Simon Kuznets)

- Tăng trưởng kinh tế xảy ra nếu sản lượng tăng nhanh hơn dân số
(Douglass C. North và Robert Paul Thomas)

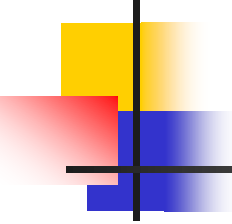
- Phát triển

- Chất lượng cuộc sống=Phúc lợi (vật chất, môi trường, an sinh...)

- Thu nhập bình quân đầu người như nhau nhưng rất khác nhau về chất lượng cuộc sống

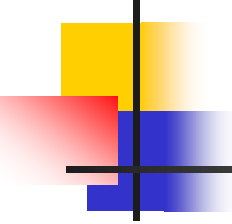
- Phát triển và tăng trưởng kinh tế hiện đại đề cập đến thu nhập đầu người, không thể có phát triển bền vững nếu thiếu tăng trưởng kinh tế

(Simon Kuznets)
3



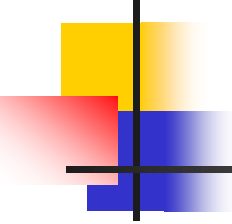
Nội dung

1. Đo lường tăng trưởng kinh tế
2. Phát triển kinh tế có nghĩa là gì?
3. Tăng trưởng có như mong muốn?
4. Phân tích nguồn tăng trưởng kinh tế



Đo lường tăng trưởng kinh tế

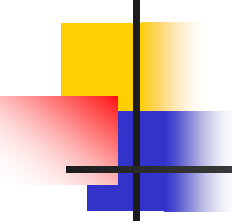
- GDP, GNI, PCI và tốc độ tăng
- GDP – còn nhiều vấn đề
 - Tự cung tự cấp
 - Dịch vụ được trả và không được trả
 - Kinh tế ngầm
 - Các ảnh hưởng xấu (ô nhiễm môi trường, tàn phá tài nguyên...)
 - “Thứ tệ hại” và phúc lợi kinh tế ròng NEW
 - GDP xanh...
- GDP bq đầu người - thước đo giá trị tổng gộp tiêu chuẩn về tăng trưởng kinh tế
- So sánh giữa các nước: trực trặc chuyển đổi tỷ giá
 - Tỷ giá thị trường và tỷ giá ngang bằng sức mua (PPP)



GDP

Tổng sản phẩm nội địa không tính đến sức khỏe của con cái chúng ta, chất lượng giáo dục mà chúng nhận được, hay niềm vui của chúng khi vui chơi. Nó không bao gồm vẻ đẹp của thơ ca hay sự bền vững của các cuộc hôn nhân, sự thông minh trong những cuộc tranh luận công khai hay sự liêm chính của các quan chức. Nó không đo lường lòng can đảm và sự thông thái của chúng ta, mà cũng không đo lường sự cống hiến của chúng ta cho đất nước. Nói một cách ngắn gọn, nó đo lường tất cả mọi thứ, ngoại trừ những thứ làm cho cuộc sống đáng giá hơn, và nó có thể cho chúng ta biết tất cả mọi thứ về nước Mỹ ngoại trừ lý do tại sao chúng ta lại tự hào rằng mình là người Mỹ”.

Robert Kennedy



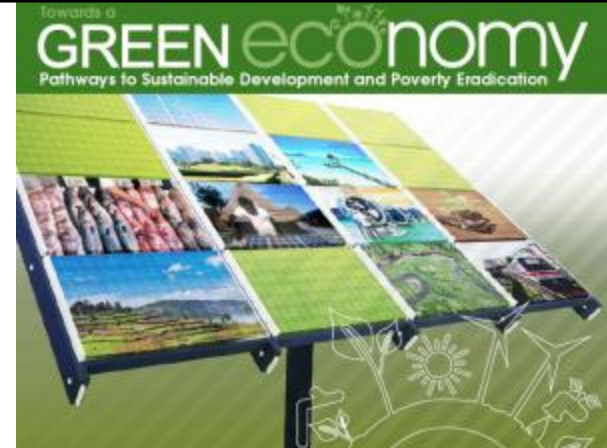
Net Economic Welfare (NEW)

- Phúc lợi kinh tế ròng (NEW): cố gắng loại trừ chi phí ô nhiễm, tội phạm, tắc nghẽn giao thông...

- UNDP

"Adjusted measure of total national output, including only the consumption and investment items that contribute directly to economic well-being. Calculated as additions to gross national product (GNP), including the value of leisure and the underground economy, and deductions such as environmental damage. It is also known as net economic welfare (NEW)"

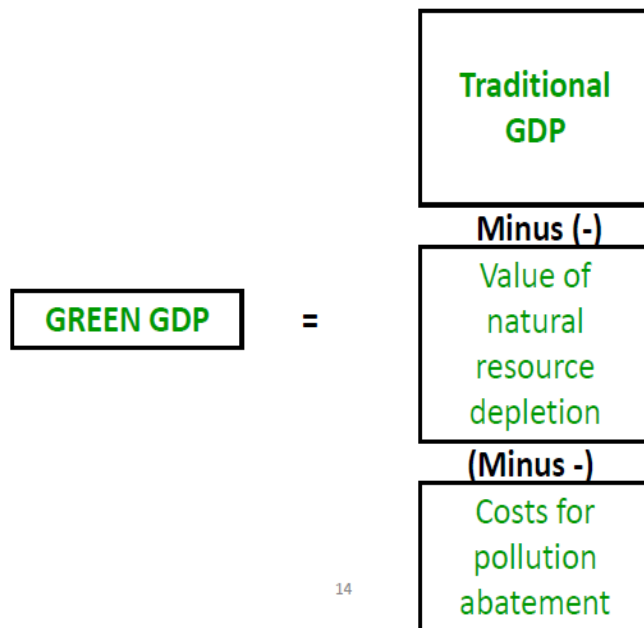
(Samuelson and Nordhaus, 1992)



GDP xanh

Green GDP calculation

• Green GDP concept:



14

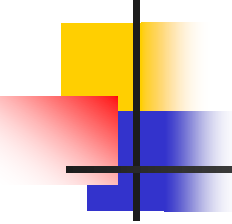
Green GDP = GDP(traditional) – Depletion of natural resources – cost of pollution

Of which:

- Resources exhaustion: decreases in forest areas and products, cultivated land, preserved land, animals, plants, ecological condition, natural resources, etc.
- Costs of pollution/climate change: costs occurred as results of environmental pollution, health and climate change impacts...

i.e: integrate economic and environment aspects in the national accounting system through SEEA instead of SNA.

Kinh tế “Xanh”: Tăng trưởng đi kèm phát thải thấp, sử dụng tài nguyên hiệu quả và công bằng

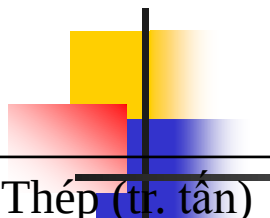


Trục trặc khi chuyển đổi tỷ giá

Kết quả hoạt động kinh tế có thể phát sinh trục trặc khi tính toán và so sánh:

- Sức mua đồng tiền và giá cả từng quốc gia (tính theo nội và ngoại tệ)
- Tỷ giá can thiệp và tỷ giá tự do
- Rào cản thương mại và các can thiệp tỷ giá
- HH&DV ngoại thương và phi ngoại thương
- Tỷ giá được xác định bởi hàng hóa ngoại thương và giao dịch vốn

Tỷ giá hối đoái ngang bằng sức mua (PPP) exchange rate

	Hoa Kỳ			Ấn Độ		
	Lượng	Giá (USD)	GTSL (tỷ USD)	Lượng	Giá (rupee)	GTSL (tỷ rupee)
Thép (t. tấn)	100	200 một tấn	20	8	9.000 một tấn	72
Nhân sự bán lẻ (triệu)	2	5.000 một người/năm	10	4	60.000 một người/năm	240
GDP (tiền địa phương)			30			312

Tỷ giá chính thức (giá thép) = $9000/200 = 45 \text{ Rs/1 USD}$

GDP Ấn Độ (tỷ giá chính thức): $312/45 = 6,9 \text{ tỷ USD}$

GDP Ấn Độ sử dụng giá của nước Mỹ:

Thép:

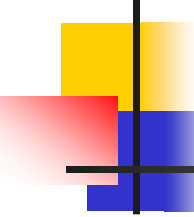
$8 \text{ triệu tấn} \times 200 \text{ USD/tấn} = 1,6 \text{ tỷ USD}$

Doanh số bán lẻ:

$4 \text{ triệu} \times 5000 \text{ USD/người} = 20 \text{ tỷ USD}$

GDP: $= 21,6 \text{ tỷ USD}$

Tỷ lệ GDP theo PPP so tỷ giá chính thức: $21,6/6,9 = 3,1$

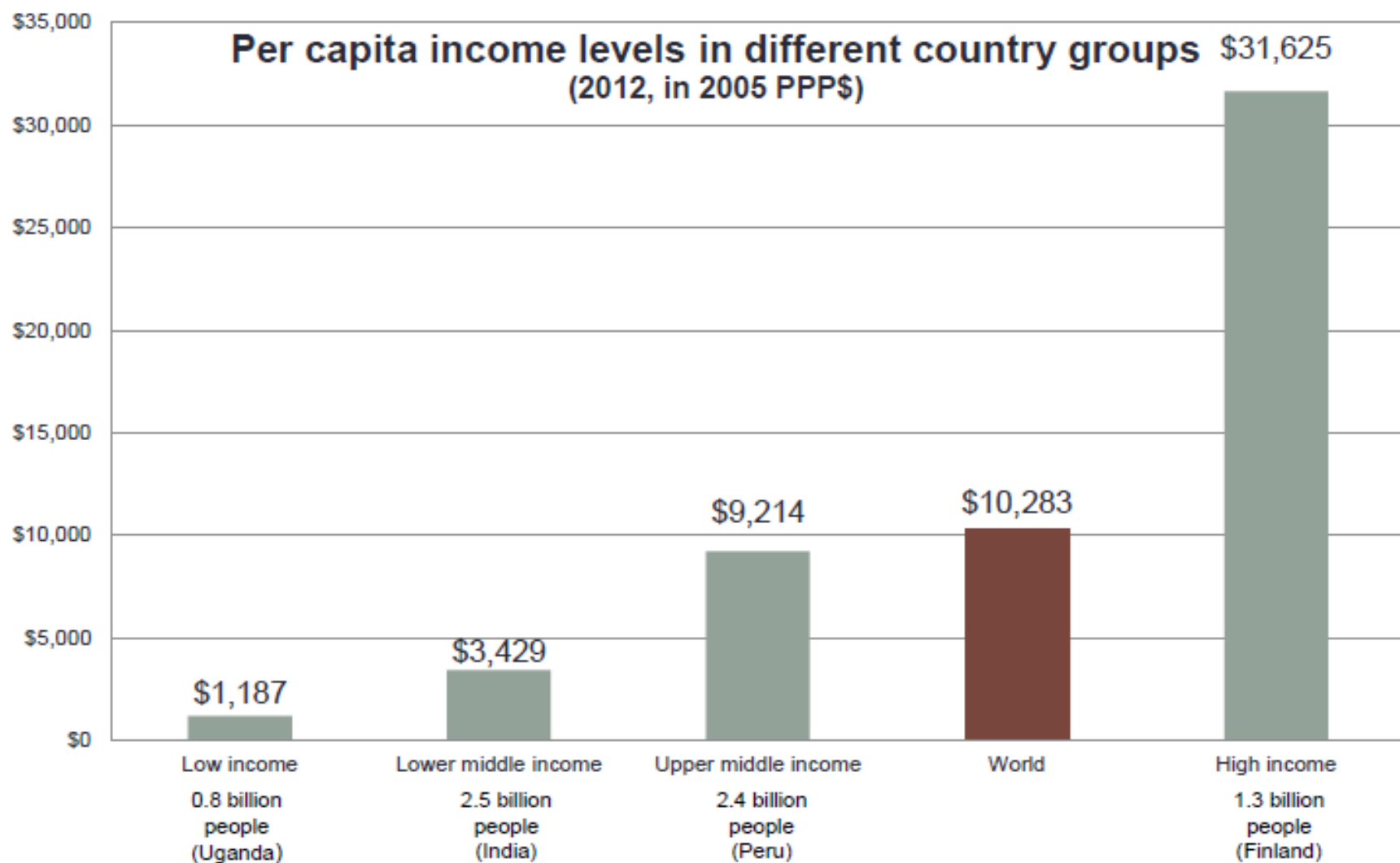


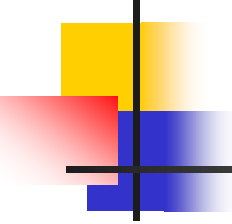
So sánh GDP bq đầu người dùng tỷ giá thị trường và tỷ giá PPP (2009)

Nước	GDP bq (tỷ giá thị trường)	GDP bq (PPP)	Tỷ số tính toán theo tỷ giá PPP/tỷ giá thị trường
Nhật	39.738	32.417	0,8
Hoa Kỳ	45.989	45.989	1,0
Trung Quốc	3.744	6.828	1,8
Việt Nam	1.113	2.953	2,7

Nguồn: WB, WDI, <http://databank.worldbank.org>

Global income disparities





Đo lường phát triển kinh tế

- Khác tăng trưởng, *phát triển kinh tế* là khái niệm *chuẩn tắc*
- Học giả và tổ chức khác nhau đưa ra các *mục tiêu và chỉ báo khác nhau*
- *HDI* và *MDGs* nổi lên như các thước đo quan trọng

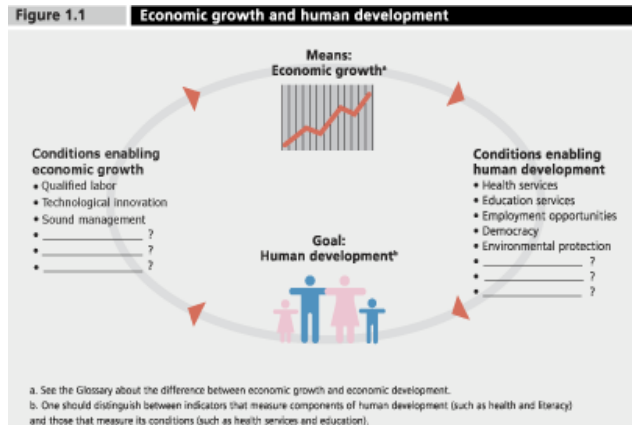
Phát triển Kinh tế nghĩa là gì?

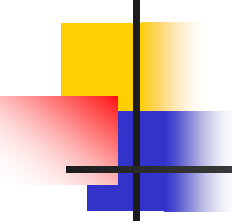
Tăng trưởng – mới chỉ là điều kiện CẦN:

- Tăng cường thể lực và hào quang nhà nước
- Đầu tư ồ ạt, lợi ích tiêu dùng bị trì hoãn
- Người giàu giàu lên, nghèo nghèo đi

Amartya Sen:

- *phát triển kinh tế đòi hỏi phải xóa bỏ nguồn gốc gây ra tình trạng "mất khả năng" khiến dân chúng không được tự do sống cuộc đời mà họ mong muốn.*





Đo lường phát triển con người (Human Development)

- Các yếu tố quan trọng:
 - Sống lâu và khỏe mạnh;
 - Có kiến thức;
 - Được tiếp cận các nguồn lực cần cho cuộc sống hay mức sống tử tế
- HDI:
 1. tuổi thọ;
 2. tỷ lệ ghi danh học các cấp, và tỷ lệ người lớn biết đọc biết viết;
 3. thu nhập đầu người
- Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs)
 - Mục tiêu phức hợp về chất lượng cuộc sống và phúc lợi

HDI – theo phương pháp tính mới

In its 2010 Human Development Report the UNDP began using a new method of calculating the HDI. The following three indices are used:

1. [Life Expectancy Index](#) (LEI) $= \frac{LE - 20}{83.2 - 20}$
2. [Education Index](#) (EI) $= \frac{\sqrt{MYSI \cdot EYSI} - 0}{0.951 - 0}$
 - o [Mean Years of Schooling Index](#) (MYSI) $= \frac{MYS - 0}{13.2 - 0}$
 - o [Expected Years of Schooling Index](#) (EYSI) $= \frac{EYS - 0}{20.6 - 0}$
3. [Income Index](#) (II) $= \frac{\ln(GNIpc) - \ln(163)}{\ln(108,211) - \ln(163)}$

Finally, the HDI is the [geometric mean](#) of the previous three normalized indices:

$$HDI = \sqrt[3]{LEI \cdot EI \cdot II}.$$

LE: [Life expectancy at birth](#)
MYS: Mean years of schooling (Years that a 25 year old person spent in schools)
EYS: Expected years of schooling (Years that a 5 year old child will spend with his education in his whole life)
GNIpc: [Gross national income at purchasing power parity per capita](#)

Goalposts for the Human Development Index in this Report

Dimension	Observed maximum	Minimum
Life expectancy	83.2 (Japan, 2010)	20.0
Mean years of schooling	13.2 (United States, 2000)	0
Expected years of schooling	20.6 (Australia, 2002)	0
Combined education index	0.951 (New Zealand, 2010)	0
Per capita income (PPP \$)	108,211 (United Arab Emirates, 1980)	163 (Zimbabwe, 2008)

Example: China

Indicator	Value
Life expectancy at birth (years)	73.5
Mean years of schooling (years)	7.5
Expected years of schooling (years)	11.4
GNI per capita (PPP US\$)	7,263

Note: Values are rounded.

$$\text{Life expectancy index} = \frac{73.5 - 20}{83.2 - 20} = 0.847$$

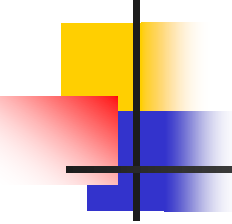
$$\text{Mean years of schooling index} = \frac{7.5 - 0}{13.2 - 0} = 0.568$$

$$\text{Expected years of schooling index} = \frac{11.4 - 0}{20.6 - 0} = 0.553$$

$$\text{Education index} = \frac{\sqrt{0.568 \cdot 0.553} - 0}{0.951 - 0} = 0.589$$

$$\text{Income index} = \frac{\ln(7,263) - \ln(163)}{\ln(108,211) - \ln(163)} = 0.584$$

$$\text{Human Development Index} = \sqrt[3]{0.847 \cdot 0.589 \cdot 0.584} = 0.663$$



8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs)

1. Xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói.
2. Đạt được phổ cập giáo dục tiểu học.
3. Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế phụ nữ.
4. Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em.
5. Cải thiện sức khoẻ bà mẹ.
6. Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét, và các bệnh tật khác.
7. Bảo đảm tính bền vững môi trường.
8. Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển chung.

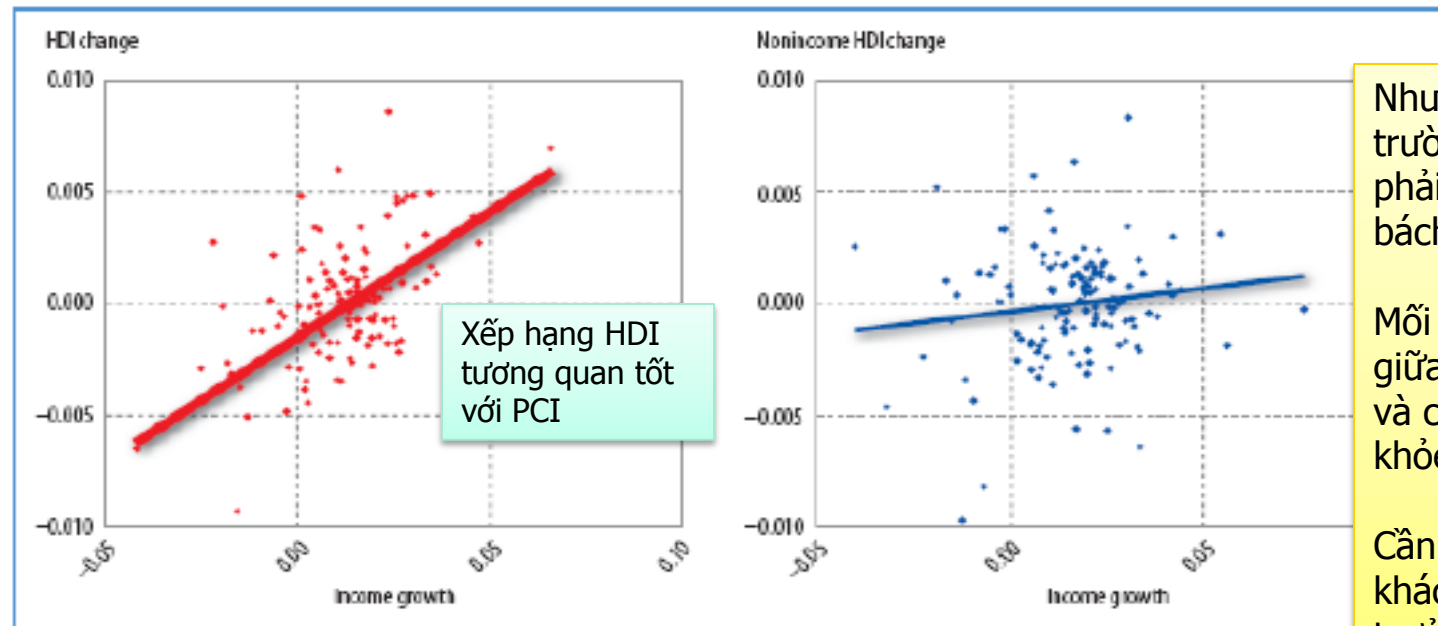
Đọc thêm UNDP-MDG Report 2014

And growth has not always produced increase in human development

FIGURE 3.1

Weak relationship between economic growth and changes in health and education

Relationship between economic growth and the HDI and its nonincome components, 1970–2010



Nhưng tăng trưởng không phải là thuốc trị bách bệnh.

Mối quan hệ yếu giữa tăng trưởng và cải thiện sức khỏe và giáo dục

Cần chính sách khác ngoài tăng trưởng

Note: Based on the analysis of deviation from fit (see box 2.1 in chapter 2 and Technical note 1). Income is per capita GDP. Thicker regression line indicates relationship is statistically significant.

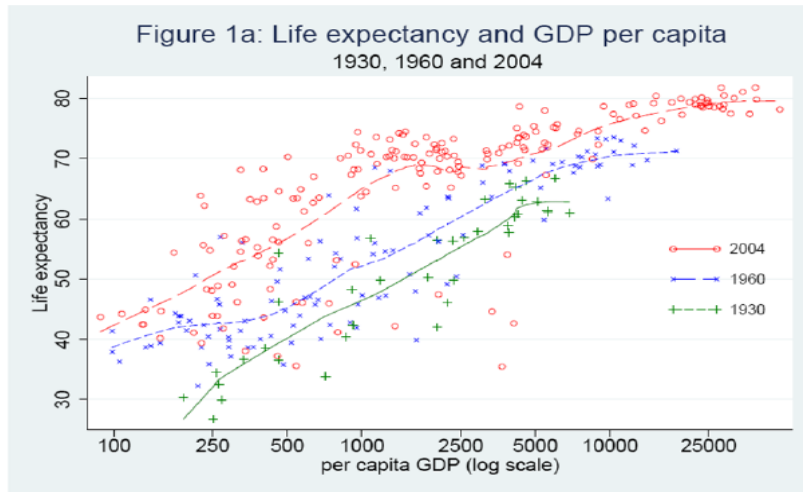
Source: HDRO calculations using data from the HDRO database.

These are partial correlations, controlling for level of GDP per capita. Source: HDR 2010.

Tăng trưởng kinh tế có đáng như mong đợi?

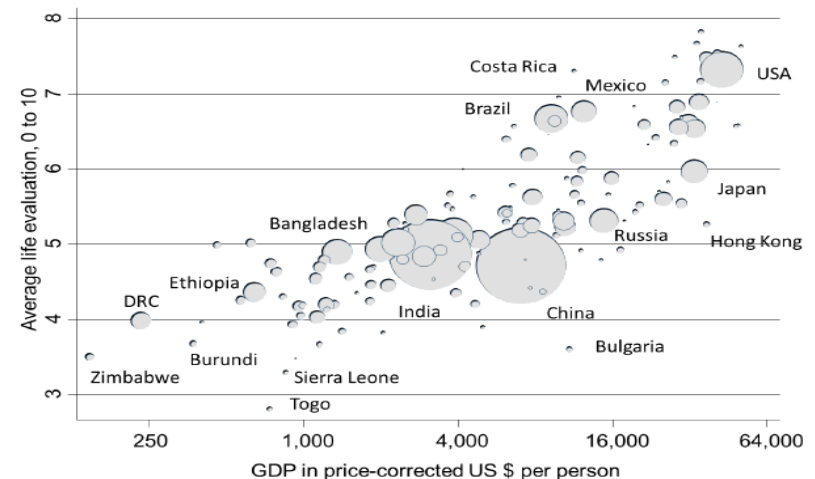
- “Có” - Nhưng có những cách nhìn khác.
- Thu nhập tăng nhưng có thực sự hạnh phúc hơn?
- Nếu tăng trưởng kinh tế không đi kèm với gia tăng hạnh phúc thì vấn đề là gì?

It's not just about money: life expectancy



Source: Thomas (2007)

It's not just about money: life satisfaction



Source: Deaton (2013)



Chủ nghĩa vật chất, Tây phương hoá, mất dần xã hội truyền thống dường như đi kèm với tăng trưởng kinh tế?

Nhiều stress hơn, nhiều căn bệnh xuất hiện cùng cuộc sống hiện đại.

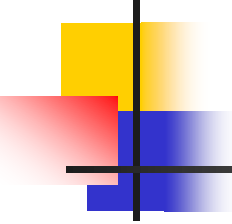


Xuống cấp của môi trường, diệt chủng của nhiều loài động vật, trái đất ám dần lên.

Tăng trưởng kinh tế

Phân tích nguồn tăng trưởng

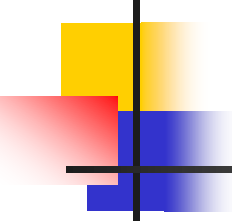




Tăng trưởng kinh tế:

Tích tụ **yếu tố đầu vào** và **tăng năng suất**

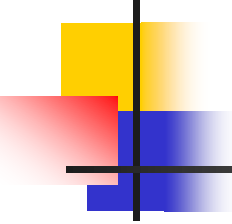
- Y phụ thuộc K, L và năng suất hay công nghệ.
- Tăng trưởng phụ thuộc 2 tiến trình cơ bản:
 - Tích tụ K và L
 - Tăng trưởng năng suất:
 - (1) cải thiện hiệu quả các yếu tố hiện sử dụng;
 - (2) thay đổi công nghệ :
 - Ý tưởng mới, máy móc, phương tiện mới, tổ chức sx
 - Đi kèm chuyển dịch sản xuất và cơ cấu ngành



Ba tiếp cận giải thích tăng trưởng

1. *Hạch toán* tăng trưởng (growth accounting)
2. Mô hình *kinh tế lượng* (econometric approach)
3. Tiếp cận *lịch sử* (historical approach)

Mỗi tiếp cận đều có ưu nhược điểm và bổ sung cho nhau



Hai cách viết phương trình hạch toán tăng trưởng

- Hàm SX: $Y = F(K, L)$
- Phương trình hạch toán tăng trưởng:
 - Cách 1: Phương pháp tồn kho thường xuyên
$$g_Y = w_K g_K + w_L g_L + a$$
 - Cách 2: Phương pháp tỷ lệ đầu tư trên GDP
$$g_Y = i.(GDI/GDP) + w_L g_L + a$$
- Tăng trưởng:
 - Chiều rộng (nhập lượng)
 - Chiều sâu (năng suất, công nghệ)

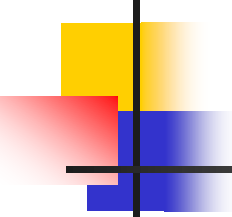
Hồi quy tăng trưởng thu nhập đầu người giữa các nền kinh tế

- $PCIG = f(INV, ED, LFG, PCI_0)$
 - $PCIG$: tốc độ tăng thu nhập đầu người
 - INV : tỷ lệ đầu tư/GDP
 - ED : trình độ giáo dục
 - LFG : tốc độ tăng dân số
 - PCI_0 : thu nhập đầu người vào năm đầu giai đoạn tính

- $PCIG = a_0 + a_1INV + a_2ED + a_3LFG + a_4PCI_0 + \varepsilon$

Nguồn tăng trưởng Đài Loan

Giai đoạn	g_Y	g_L	g_K	$TFPG$	Giải thích
1952-55	9,00	3,51	5,70	4,83	Hồi phục
1956-60	6,70	4,87	6,04	1,47	Nhà nước kiểm soát, chiến lược ISI
1961-65	9,50	4,75	7,78	3,84	Mở cửa kinh tế, cải cách và xuất khẩu
1966-70	9,37	10,43	12,76	-1,77	công nghiệp nặng Thâm dụng lao động
1971-79	9,55	5,57	13,48	1,95	Thúc đẩy xuất khẩu Hiện đại hóa (2 cú sốc dầu)
1980-85	6,59	2,43	9,31	2,36	
1986-90	8,74	2,74	7,91	4,62	Cải cách mạnh mẽ theo thị trường và mở cửa hoàn toàn
1991-94	6,57	2,22	8,87	2,68	

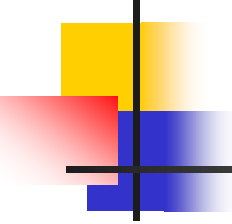


TFPG - câu chuyện lớn

- Tăng trưởng Đông Á sau WWII: lớn nhất, kéo dài, giảm nghèo nhanh nhất → bài học gì cho các nước đang phát triển?
- Vẫn còn nhiều giải thích:
 - Adam Smith, Ricardo: tăng vốn → tăng sản lượng
 - Young, Krugman: tăng nhập lượng → tăng xuất lượng!
 - Dwight Perkins: sử dụng nhập lượng khác các nước khác.
- Những gì tác động đến TFPG?
 1. Ổn định chính trị
 2. Chính sách chính phủ
 3. Thay đổi cơ cấu ngành (năng suất)
 4. Vai trò khu vực tài chính
 5. Nguồn lực tự nhiên và địa lý
 6. Mâu thuẫn xã hội và bất công bằng
 7. Văn hoá ...

Các nhân tố xác định tăng trưởng kinh tế

- Hai nhánh nghiên cứu đang tiếp diễn cả lý thuyết và thực nghiệm hai thập niên qua.
 1. Mô hình Solow và tăng trưởng nội sinh.
 2. Địa kinh tế mới và các nhân tố phi kinh tế.
- Nhánh 1 tập trung vai trò vốn, lao động và công nghệ, trong khi nhánh 2 tập trung vào thể chế, hệ thống chính trị và luật pháp, yếu tố văn hóa xã hội, dân số và địa lý.
 - Nhờ dữ liệu đầy đủ và kỹ thuật kinh tế lượng, thống kê tiên tiến



Kết luận

- Đo lường tăng trưởng và phát triển dựa vào các chỉ báo khác nhau.
- Tăng trưởng phụ thuộc 2 tiến trình cơ bản
- Phân tích nguồn tăng trưởng: đóng góp khác nhau của K, L, TFP ở nước nghèo và nước giàu
- Hai thập niên qua nổi lên 2 nhánh nghiên cứu quan trọng nhằm tìm hiểu về các nhân tố chính yếu giúp giải thích nguồn gốc tăng trưởng kinh tế. Công trình nghiên cứu vẫn đang tiếp diễn.

The Past, Present, and Future of Economic Growth

Dani Rodrik (2013)

Let the employment shares of the three sectors be α_M , α_S , and $(1 - \alpha_M - \alpha_S)$. The economy's aggregate real GDP per worker is a weighted average of sectoral labor productivities:

$$y = \alpha_M y_M + \alpha_S y_S + (1 - \alpha_M - \alpha_S). \quad (3)$$

(With no loss of generality, I fix base-period relative prices at unity.) I use π_i to denote the relative productivity of each sector, such that $\pi_i = y_i/y$. Totally differentiating equation (3) and dividing through by y yields the following expression for growth in GDP per worker:

$$\begin{aligned} \hat{y} &= (\alpha_M \pi_M + \alpha_S \pi_S) \gamma (\ln y^*(\theta) - \ln y) & (A) \\ &+ \alpha_M \pi_M \beta (\ln y_M^* - \ln y_M) & (B) \\ &+ (\pi_M - \pi_T) d\alpha_M & (C) \\ &+ (\pi_S - \pi_T) d\alpha_S & (D) \end{aligned} \quad (4)$$

Equation (4) provides an organizing framework for the discussion below. It identifies four distinct channels for growth. The first is a process of convergence that accompanies the accumulation of fundamental capabilities such as skills and improved governance (A). It can be called the “fundamentals” channel, as it depends on broad-based investments in human capital and institutional arrangements. The second channel is the forces of unconditional convergence operating within manufactures (B). These two dynamic effects are potentially augmented by two effects of reallocating labor from traditional activities to higher-productivity manufacturing (C) and modern services (D).

Table 7.1 Possible Growth Outcomes Give Rate of Industrialization and Level of Capabilities

		Rate of industrialization ($d\alpha_M$)	
		Slow	Rapid
Level of capabilities (θ)	Low	(1) No or very little growth	(2) Episodic growth
	High	(3) Slow growth	(4) Rapid, sustained growth

A typology of growth outcomes

		Structural transformation	
		<i>slow</i>	<i>rapid</i>
Investment in fundamentals	<i>low</i>	(1) no growth	(2) episodic growth
	<i>high</i>	(3) slow growth	(4) rapid, sustained growth

A typology of growth outcomes

		Structural transformation	
		<i>slow</i>	<i>rapid</i>
Investment in fundamentals	<i>low</i>	(1) no growth	(2) episodic growth
	<i>high</i>	(3) slow growth: LAC in 1990s?	(4) rapid, sustained growth

NEW GROWTH STRATEGIES

Dani Rodrik
October 2014

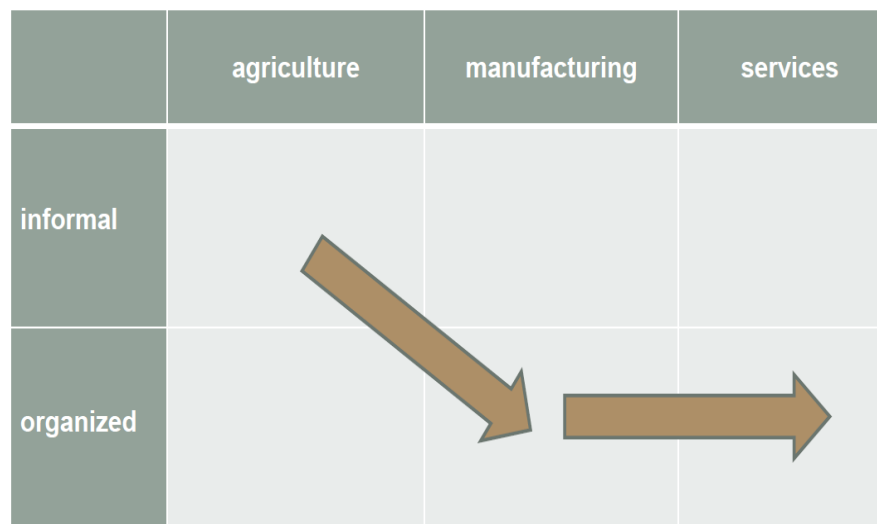
A typology of growth outcomes

		Structural transformation	
		<i>slow</i>	<i>rapid</i>
Investment in fundamentals	<i>low</i>	(1) no growth	(2) episodic growth: ISI?
	<i>high</i>	(3) slow growth	(4) rapid, sustained growth

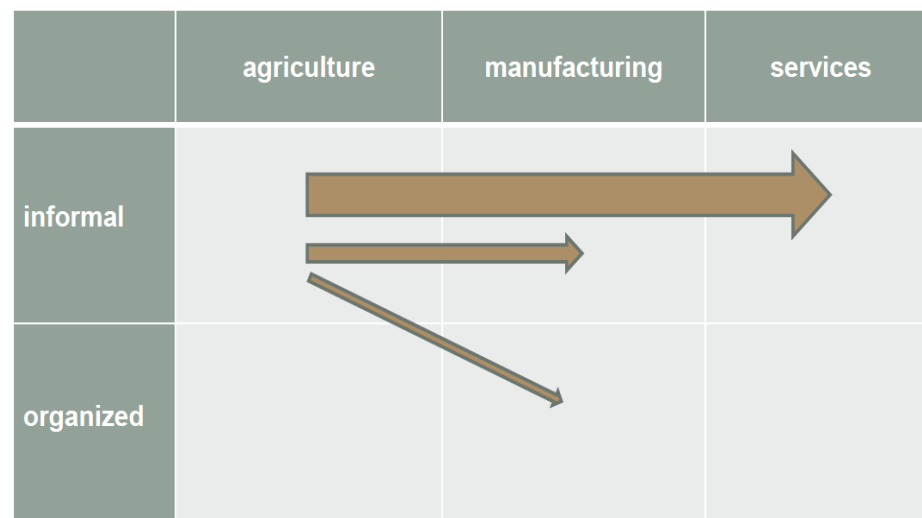
A typology of growth outcomes

		Structural transformation	
		<i>slow</i>	<i>rapid</i>
Investment in fundamentals	<i>low</i>	(1) no growth	(2) episodic growth
	<i>high</i>	(3) slow growth	(4) rapid, sustained growth: KOR, TWN

Patterns of structural change: East Asia and advanced countries



Patterns of structural change: low-income countries today



■ wholesale&retail trade, hotels&restaurants

■ community, social, personal, government services

■ transport, storage & communications

■ finance, insurance, real estate, and business services

Tradable services have much higher productivity, but are also much more intensive in skills

Is the rise of services really bad for growth?

Why services are not like manufactures

- High-productivity (tradable) segments of services cannot absorb as much labor
- Low productivity (non-tradable) services cannot act as growth poles